**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NĂM 2020**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **PHẦN, MỤC, MÃ, TÊN VÀ SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ** | | | | | **ĐIỂM** | | **ĐƠN VỊ THỰC HIỆN** | | **NỘI DUNG THỰC HIỆN** | **GIÁM SÁT** |
| **Kết quả 2019** | **Kế hoạch 2020** |
| **PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH** | | | | | |
| **A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 1 | | A1.1 | Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn cụ thể | | | 3 | 4 | - Khoa Khám bệnh  - Phòng TC-HC | | Củng cố hệ thống biển báo, vạch màu chỉ đường | BGĐ |
| 2 | | A1.2 | Người bệnh được chờ đợi trong phòng đầy đủ tiện nghi và được vận chuyển phù hợp với tình trạng bệnh tật | | | 2 | 3 | - Phòng KH-NV  - Phòng TC-HC | | Củng cố khu vực NB chờ khám, xây dựng quy trình sàng lọc cách ly NB truyền nhiễm | BGĐ |
| 3 | | A1.3 | Bệnh viện tiến hành cải tiến quy trình khám bệnh, đáp ứng sự hài lòng người bệnh | | | 3 | 4 | - Các khoa  - Phòng TCKT;  - Phòng KH-NV. | | Củng cố quy trình, hướng dẫn KCB, xây dựng bảng thời gian chờ đợi KCB; phương án nhân lực, quầy thu viện phí, quầy phát thuốc trong giờ cao điểm. | BGĐ |
| 4 | | A1.4 | Bệnh viện bảo đảm các điều kiện cấp cứu người bệnh kịp thời | | | 3 | 4 | - Các khoa lâm sàng;  - Phòng KH-NV. | | Củng cố quy định cấp cứu, quy định hội chẩn | BGĐ |
| 5 | | A1.5 | Người bệnh được làm các thủ tục, khám bệnh, thanh toán... theo đúng thứ tự bảo đảm tính công bằng và mức ưu tiên | | | 3 | 4 | - Các khoa lâm sàng;  - Phòng TCKT. | | Mua Máy lấy số khám tự động, bảng quy định đối tượng ưu tiên | BGĐ |
| 6 | | A1.6 | Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện | | | 2 | 3 | - Khoa XN-CĐHA | | Củng cố phiếu hướng dẫn khám bệnh, XN, chẩn đoán hình ảnh; thời gian trả kết quả. | BGĐ |
| **A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 7 | | A2.1 | Người bệnh điều trị nội trú được nằm một người một giường | | | 3 | 4 | - Các khoa lâm sàng;  - Phòng TC-HC | | Củng cố hệ thồng buồng bệnh, giường bệnh tại các khoa; phòng bệnh không dột, tường không ẩm mốc. | BGĐ |
| 8 | | A2.2 | Người bệnh được sử dụng buồng vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ các phương tiện | | | 3 | 4 | - Các khoa lâm sàng; | | Củng cố hệ thống nhà vệ sinh, ghi nhật ký giờ làm vệ sinh | TCHC |
| 9 | | A2.3 | Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy đủ, sạch sẽ, chất lượng tốt | | | 2 | 3 | - Phòng TC-HC | | Mua sắm bổ sung vật dụng cá nhân cho BN | TCHC |
| 10 | | A2.4 | Người bệnh được hưởng các tiện nghi bảo đảm sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm lý | | | 3 | 4 | - Các khoa lâm sàng; | | Cung cấp nước uống cho BN | TCHC |
| 11 | | A2.5 | Người khuyết tật được tiếp cận với các khoa/phòng, phương tiện và dịch vụ khám, chữa bệnh trong bệnh viện | | | 3 | 4 | - Phòng TC-HC | | (NB đi xe lăn không thể tiếp cận tầng 2) | BGĐ |
| **A3. Môi trường chăm sóc người bệnh** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 12 | | A3.1 | Người bệnh được điều trị trong môi trường, cảnh quang xanh, sạch, đẹp | | | 4 | 4 | - Phòng TC-HC | | Không để cỏ dại mọc hoang trong khuân viên BV | BGĐ |
| 13 | | A3.2 | Người bệnh được khám và điều trị trong khoa/phòng gọn gàng, ngăn nắp | | | 2 | 3 | - Các khoa lâm sàng | | Mua tủ giữ đồ, tủ đầu giường | BGĐ |
| **A4. Quyền và lợi ích của người bệnh** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 14 | | A4.1 | Người bệnh được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình điều trị | | | 3 | 4 | - Các khoa lâm sàng | | Củng cố nội quy, quy định, hướng dẫn người bệnh | TCHC |
| 15 | | A4.2 | Người bệnh được tôn trọng quyền riêng tư cá nhân | | | 3 | 3 | - Các khoa lâm sàng | | Buồng bệnh chia khu vực nam, nữ, có vách ngăn, rèm che di động, thực hiện ghi phiếu đầu giường. | TCHC |
| 16 | | A4.3 | Người bệnh được nộp viện phí thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác | | | 4 | 4 | - Phòng TV-KT | | Đăng tải bảng giá dịch vụ, giá thuốc, vật tư trên trang thông tin điện tử của bệnh viện | BGĐ |
| 17 | | A4.4 | Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế | | |  |  | ***Bỏ tiêu chí này*** | | |  |
| 18 | | A4.5 | Người bệnh có ý kiến phàn nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được bệnh viện tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời | | | 3 | 4 | - Phòng KH-NV | | Củng cố số sách ghi chép đường dây nóng | BGĐ |
| 19 | | A4.6 | Bệnh viện thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng người bệnh và tiến hành các biện pháp can thiệp | | | 3 | 4 | - Phòng Điều dưỡng | | Thực hiện khảo sát sự hài lòng của người bệnh định kỳ | BGĐ |
| **PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN** | | | | | | |  |  | |  |  |
| **B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 20 | | B1.1 | Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực BV | | | 3 | 4 | - Phòng TC-HC | | Củng cố các kế hoạch phát triển nhân lực | BGĐ |
| 21 | | B1.2 | Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện | | | 3 | 4 | - Phòng TC-HC | | Bổ sung nhân lực | BGĐ |
| 22 | | B1.3 | Bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp của nhân lực bệnh viện | | | 3 | 4 | - Phòng TC-HC | | Củng cố phương án vị trí việc làm | BGĐ |
| **B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 23 | | B2.1 | Nhân viên y tế được đào tạo và phát triển kỹ năng nghề nghiệp | | | 3 | 4 | - Phòng TC-HC;  - Phòng KH-NV | | Xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo liên tục | BGĐ |
| 24 | | B2.2 | Nhân viên y tế được nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp, y đức | | | 3 | 4 | - Phòng TC-HC;  - Phòng Điều dưỡng | | Xây dựng kế hoạch nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp | BGĐ |
| 25 | | B2.3 | Bệnh viện duy trì và phát triển bền vững chất lượng nguồn nhân lực | | | 2 | 4 | - Phòng TC-HC | | Kê hoạch tuyển dụng và đào tạo sau đại học | BGĐ |
| **B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 26 | | B3.1 | Bảo đảm chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ của nhân viên y tế | | | 3 | 4 | - Phòng TC-HC;  - Phòng TV-KT | | Đảm bảo chế độ chính sách | BGĐ |
| 27 | | B3.2 | Bảo đảm điều kiện làm việc, vệ sinh lao động và nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên y tế | | | 4 | 4 | - Phòng TC-HC;  - Phòng KH-NV | | Lập hồ sơ vệ sinh lao động, khảo sát hài lòng | BGĐ |
| 28 | | B3.3 | Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế được quan tâm và cải thiện | | | 3 | 4 | - Phòng TC-HC;  - BCH Công đoàn | | Khám sức khỏe cán bộ định kỳ; Hồ sơ sức khỏe của toàn bộ nhân viên bệnh viện được nhập và quản lý bằng phần mềm máy tính. | BGĐ |
| 29 | | B3.4 | Tạo dựng môi trường làm việc tích cực cho nhân viên y tế | | | 3 | 4 | - Phòng TC-HC | | Bổ sung quy chế thi đua khen thưởng | BGĐ |
| **B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 30 | | B4.1 | Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển bệnh viện và công bố công khai | | | 3 | 4 | - Phòng TC-HC;  - Phòng KH-NV | | Bổ sung kế hoạch phát triển đơn vị | BGĐ |
| 31 | | B4.2 | Triển khai văn bản của các cấp quản lý | | | 3 | 4 | - Phòng TC-HC;  - Phòng KH-NV | | Củng cố sổ sách theo dõi công văn đên, công văn đi. ứng dụng triển khai văn bản trên phần mềm | BGĐ |
| 32 | | B4.3 | Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực quản lý bệnh viện | | | 2 | 4 | - Phòng TC-HC;  - Phòng KH-NV | | Củng cố quy chế bổ nhiệm, văn bằng chứng chỉ | BGĐ |
| 33 | | B4.4 | Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận | | | 3 | 4 | - Phòng TC-HC | | Củng cố quy trình bổ nhiệm, văn bằng chứng chỉ cán bộ lãnh đạo | BGĐ |
| **PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (38)** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| **C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 34 | | C1.1 | Bảo đảm an ninh, trật tự bệnh viện | | | 2 | 3 | - Phòng TC-HC | | Xây dựng tường rào, bổ sung các yêu cầu về công tác an ninh | BGĐ |
| 35 | | C1.2 | Bảo đảm an toàn điện, phòng chống cháy nổ | | | 3 | 3 | - Phòng TC-HC | | Tuyển dụng cán bộ có trình độ trung cấp điện trở lên | BGĐ |
| **C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 36 | | C2.1 | Hồ sơ bệnh án được lập đầy đủ, chính xác, khoa học | | | 3 | 4 | - Các khoa lâm sàng | | Quy định kiểm tra bệnh án. kết quả kiểm tra bệnh án | KHNV |
| 37 | | C2.2 | Hồ sơ bệnh án được quản lý chặt chẽ, đầy đủ, khoa học | | | 3 | 4 | - Các khoa lâm sàng;  - Phòng KH-NV | | Củng cố quy trình lưu trữ hồ sơ bệnh án | BGĐ |
| **C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2)** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 38 | | C3.1 | Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế | | | 3 | 4 | - Phòng TC-HC;  - Phòng KH-NV | | Xây dựng bảng kiểm các chỉ số thông tin | BGĐ |
| 39 | | C3.2 | Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động chuyên môn | | | 3 | 3 | - Phòng TC-HC;  - Phòng KH-NV | | Sử dụng phần mềm quản lý chuyên môn, hoạt động khoa, phòng | BGĐ |
| **C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn(6)** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 40 | | C4.1 | Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn | | | 2 | 3 | - Tổ KSNK;  - Phòng Điều dưỡng. | | Củng cố hệ thông kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện | HĐ KSNK |
| 41 | | C4.2 | Xây dựng và hướng dẫn nhân viên y tế thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong BV | | | 2 | 3 | - Tổ KSNK;  - Phòng Điều dưỡng. | | Củng cố quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện | HĐ KSNK |
| 42 | | C4.3 | Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ rửa tay | | | 2 | 3 | - Tổ KSNK;  - Phòng Điều dưỡng. | | Củng cố quy trình vệ sinh tay | HĐ KSNK |
| 43 | | C4.4 | Đánh giá, giám sát và triển khai kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện | | | 1 | 2 | - Tổ KSNK;  - Phòng Điều dưỡng. | | Tiến hành giám sát nhiễm khuẩn khoa trọng điểm | HĐ KSNK |
| 44 | | C4.5 | Chất thải rắn bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định | | | 2 | 3 | - Tổ KSNK;  - Phòng Điều dưỡng. | | Củng cố quy trình phân loại, quản lý chất thải rắn | HĐ KSNK |
| 45 | | C4.6 | Chất thải lỏng bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định | | | 2 | 3 | - Tổ KSNK;  - Phòng Điều dưỡng. | | Củng cố quy trình xử lý chất thải lỏng bệnh viện | HĐ KSNK |
| **C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 46 | | C5.1 | Thực hiện  danh mục  kỹ thuật theo  phân tuyến kỹ thuật | | | 2 | 3 | - Các khoa lâm sàng;  - Phòng KH-NV. | | Thống kê thực hiện phân tuyến kỹ thuật | BGĐ |
| 47 | | C5.2 | Nghiên cứu và triển khai áp dụng các kỹ  thuật mới, phương pháp mới | | | 2 | 3 | - Các khoa lâm sàng | | Xây dựng kế hoạch triển khai kỹ thuật mới | KHNV |
| 48 | | C5.3 | Áp dụng các hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các biện pháp giám sát chất lượng | | | 3 | 3 | - Các khoa lâm sàng | | Củng cố quy trình chuyên môn khám chữa bệnh | KHNV |
| 49 | | C5.4 | Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị | | | 2 | 4 | - Các khoa lâm sàng | | Bổ sung hướng dẫn chẩn đoán và điều trị | KHNV |
| 50 | | C5.5 | Áp dụng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị  đã ban hành  và giám sát việc thực hiện | | | 2 | 3 | - Các khoa lâm sàng | | Giám sát việc tuân thu hướng dẫn chẩn đoán và điều trị | KHNV |
| **C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 51 | | C6.1 | Hệ thống điều dưỡng trưởng được thiết lập và hoạt động hiệu quả | | | 2 | 3 | - Phòng Điều dưỡng | | Củng cố chứng chỉ, bằng cấp của điều dưỡng trưởng | BGĐ |
| 52 | | C6.2 | Người bệnh được điều dưỡng hướng dẫn, tư vấn điều trị và chăm sóc, giáo dục sức khỏe phù hợp với bệnh đang được điều trị | | | 2 | 3 | - Các khoa lâm sàng | | Củng cố tài liệu, văn bản giáo dục sức khỏe | P.ĐD |
| 53 | | C6.3 | Người bệnh được chăm sóc vệ sinh cá nhân trong quá trình điều trị tại bệnh viện | | | 2 | 3 | - Các khoa lâm sàng | | Bổ sung quy định theo dõi, chăm sóc người bệnh | P.ĐD |
| **C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 54 | | C7.1 | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện | | | 1 | 2 | - Phòng Điều dưỡng | | Đào tạo, tuyển dụng cán bộ dinh dưỡng | BGĐ |
| 55 | | C7.2 | Bệnh viện bảo đảm cơ sở vật chất để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện | | | 1 | 2 | - Phòng Điều dưỡng | | Thành lập khoa tổ tiết chế dinh dưỡng | BGĐ |
| 56 | | C7.3 | Người bệnh được đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng trong thời gian nằm viện | | | 2 | 3 | Điều dưỡng các khoa lâm sàng | | Đánh giá, sàng lọc tình trạng dinh dưỡng người bệnh | P.ĐD |
| 57 | | C7.4 | Người bệnh được hướng dẫn, tư vấn chế độ ăn phù hợp với bệnh lý | | | 2 | 3 | - Phòng Điều dưỡng | | Củng cố góc truyền thông | BGĐ |
| 58 | | C7.5 | Người bệnh được cung cấp chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý trong thời gian nằm viện | | | 1 | 2 | - Phòng Điều dưỡng | | Chỉ định chế độ ăn phù hợp cho người bệnh | BGĐ |
| **C8. Chất lượng xét nghiệm (2)** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 59 | | C8.1 | Bảo đảm năng lực thực hiện các xét nghiệm huyết học, hóa sinh, vi sinh và giải phẫu bệnh | | | 2 | 3 | Khoa XN-CĐHA | | Đào tạo cán bộ XN theo định hướng | BGĐ |
| 60 | | C8.2 | Bảo đảm chất lượng các xét nghiệm | | | 2 | 3 | Khoa XN-CĐHA | | Quy định và thực hiện nội kiểm, ngoại kiểm theo quy định, đào tạo cán bộ có chứng chỉ quản lý chất lượng XN | BGĐ |
| **C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 61 | | C9.1 | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức hoạt động dược | | | 2 | 3 | - Khoa Dược | | Tăng cường hoạt động cán bộ chuyên trách dược lâm sàng và thông tin thuốc | BGĐ |
| 62 | | C9.2 | Bảo đảm cơ sở vật chất và các qui trình kỹ thuật cho hoạt động  Dược | | | 3 | 4 | - Khoa Dược | | Thực hiện các quy trình về hoạt động dược | BGĐ |
| 63 | | C9.3 | Cung ứng thuốc và vật tư y tế tiêu hao đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng | | | 3 | 4 | - Khoa Dược | | Bổ sung các quy trình cấp phát, kiểm soát, xử lý, cung ứng thuốc | BGĐ |
| 64 | | C9.4 | Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý | | | 3 | 4 | - Khoa Dược | | Xây dựng danh mục LASA | BGĐ |
| 65 | | C9.5 | Thông tin thuốc, theo dõi báo cáo ADR kịp thời, đầy đủ và có chất lượng | | | 3 | 3 | - Khoa Dược | | Xây dựng quy trình thông tin thuốc, giám sát, báo cáo ADR | BGĐ |
| 66 | | C9.6 | Hội đồng thuốc và điều trị được thiết lập và hoạt động hiệu quả | | | 2 | 3 | - Khoa Dược | | Củng cố sổ sách hoạt động của hội đồng thuốc và điều trị | BGĐ |
| **C10. Nghiên cứu khoa học (2 )** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 67 | | C10.1 | | Tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học | | 3 | 3 | - Phòng KH-NV | | Duy trì hoạt động hội đồng khoa học 1 lần/tháng | BGĐ |
| 68 | | C10.2 | | Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong hoạt động bệnh viện và các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh | | 2 | 3 | - Phòng KH-NV | | Ra quyết định triển khai áp dụng đề tài | BGĐ |
| **PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (9)** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| **D1. Thiết lập hệ thống và xây dựng, triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng (3)** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 69 | | D1.1 | Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện | | | 2 | 3 | - Phòng KH-NV | | (Nếu có cán bộ chuyên trách QLCL) | BGĐ |
| 70 | | D1.2 | Xây dựng và triển khai kế hoạch chất lượng BV | | | 2 | 3 | - Phòng KH-NV | | Chỉ đạo các khoa, phòng xây dựng KH cải tiến CL năm 2020 | BGĐ |
| 71 | | D1.3 | Xây dựng uy tín và văn hóa chất lượng bệnh viện | | | 3 | 3 | - Phòng KH-NV | | Xây dựng khẩu hiệu (Slogan). Triển khai trang thông tin điện tử của trung tâm | BGĐ |
| **D2. Phòng ngừa các sai sót, sự cố và cách khắc phục(2)** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 72 | | D2.1 | Phòng ngừa các nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh | | | 2 | 3 | Các khoa lâm sàng | | Lắp đặt toàn bộ hệ thống chuông báo tại các khoa | KHNV |
| 73 | | D2.2 | Xây dựng hệ thống báo cáo,phân tích sự cố y khoa và tiến hành các các giải pháp khắc phục | | | 3 | 3 | Các khoa lâm sàng | | Xây dựng hệ thống báo cáo sự cố y khoa toàn viện và các khoa | KHNV |
| 74 | | D2.3 | Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sai sót, sự cố | | | 2 | 3 | - Các khoa LS,  - Khoa XN-CĐHA. | | Thực hiện giám sát an toàn PTTT | KHNV |
| 75 | | D2.4 | Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ | | | 3 | 3 | - Các khoa LS,  - Khoa XN-CĐHA | | Xây dựng bảng kiểm | KHNV |
| 76 | | D2.5 | Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã | | | 2 | 3 | - Các khoa LS,  - Khoa XN-CĐHA | | Cảnh báo nguy cơ. Gia cố lan can | KHNV |
| **D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (4)** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 77 | | D3.1 | Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện | | | 2 | 3 | - Phòng KH-NV | | Củng cố hệ thống báo cáo | BGĐ |
| 78 | | D3.2 | Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện | | | 2 | 3 | - Phòng KH-NV | | Tiến hành đo lường và công bố kết quả chất lượng | BGĐ |
| 79 | | D3.3 | Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện | | | 3 | 4 | - Phòng KH-NV | | Thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu và quy định | BGĐ |
| **PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| **E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa  (4)** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 80 | | E1.1 | BV thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh | | | 2 | 3 | Khoa CSSKSS | | Củng cố góc sơ sinh phòng đẻ | BGĐ |
| 81 | | E1.2 | BV thực hiện tốt hoạt động truyền thông SKSS trước sinh, trong khi sinh và sau sinh. | | | 3 | 3 | Khoa CSSKSS | | Bổ sung tranh ảnh, bảng truyền thông sức khỏe sinh sản | BGĐ |
| 82 | | E1.3 | BV tuyên truyền tập huấn và thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ theo hướng dẫn của BYT và UNICEF. | | | 2 | 3 | Khoa CSSKSS | | Xây dựng tài liệu nuôi con bằng sữa mẹ, QĐ cử cán bộ chuyên trách | BGĐ |
| **E2. Tiêu chí nhi khoa** | | | | | |  |  |  | |  |  |
| 83 | | E2.1 | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa | | | 2 | 3 | Khoa CSSKSS | | Củng cố bảng mô tả ví việc làm, củng cố đơn nguyên SS | BGĐ |
|  | | | | | ***223/89 = 2.51*** | | ***298/89= 3.35*** | |  | | |